TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 17 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Trung P, sinh năm 1973. Địa chỉ: SN 22 đường M, tổ 9 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Bà Lã Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ nơi công tác: Trường Mầm non M, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 09 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Trung P và bà Lã Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung P và bà Lã Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Q, sinh ngày 02/11/2003 cho ông Trần Trung P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Trần Bảo T1,

sinh ngày 21/4/2016 cho bà Lã Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền ngăn cản.

- Về Tài sản chung: Các đương sự đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Bà Lã Thị T tự nguyện rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Toà án chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Trung P tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Trần Trung P đã nộp theo biên lai thu số 0002182 ngày 25/6/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang *(Nguyễn Trọng K nộp thay)*. Trả lại cho ông Trần Trung P 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Trả lại cho bà Lã Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản là 29.500.000đ *(Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)* bà Lã Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0002219 ngày 04/8/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ